

HOSE 17/12/2014

VNINDEX	518.22	-16.92	-3.16%
KLGD	171,356,990	CP	
GTGD	3,023.95	Tỷ	
GTR NDTNN	-	91.83	Tỷ
CP Tăng giá	35	CP	
CP Giảm giá	214	CP	
CP Đứng giá	55	CP	



Tâm điểm

- ▶ **Lực bán dứt khoát và trên diện rộng**
- ▶ **Áp lực giải chấp ở nhiều mã đang diễn ra**
 NĐT Nước ngoài bán ròng nhẹ trên HOSE
- ▶ **Hàng chục nghìn tỷ đồng nguy cơ bốc hơi nếu giá dầu tiếp tục giảm**
 Hụt thu hàng chục nghìn tỷ sẽ tác động không nhỏ đến mục tiêu giảm bội chi Infonet
- ▶ **Niềm tin tiêu dùng Việt Nam giảm trong tháng 12**
 Chỉ số niềm tin tiêu dùng Việt Nam ANZ đã giảm xuống 135,6 điểm ANZ
- ▶ **Trung Quốc âu lo kinh tế năm 2015**
 Do sự sa sút từ thị trường bất động sản tại Trung Quốc Gafin
- ▶ **11 tháng, thép Hòa Phát đạt gần 100% kế hoạch bán hàng năm 2014**
 Sau 11 tháng, thép xây dựng Hòa Phát đã đạt sản lượng bán hàng 895.000 tấn HPG
- ▶ **MWG lợi nhuận sau thuế 11 tháng vượt 136% kế hoạch năm**
 Lũy kế 11 tháng, doanh thu đạt 14.063 tỷ DVO

HNX 17/12/2014

HNXINDEX	80.61	-2.02	-2.45%
KLGD	72,395,441	CP	
GTGD	892.25	Tỷ	
GTR NDTNN	-	0.04	Tỷ
CP Tăng giá	43	CP	
CP Giảm giá	197	CP	
CP Đứng giá	139	CP	



Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	967,480	13.1	2.5	17.7%	9.1%
HNX	137,639	13.3	1.7	8.5%	4.1%
Toàn bộ thị trường	1,105,119	13.5	2.5	17.5%	8.7%

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	7,078	6.8	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	21,979	9.5	1.5	16.9%	10.6%
Khai khoáng	35,778	12.2	1.8	21.8%	10.5%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,534	89.8	6.2	-4.0%	-3.3%
Xây dựng	25,432	14.0	1.5	13.9%	7.6%
Máy công nghiệp	32,023	30.9	1.2	0.5%	2.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,480	8.6	1.3	15.2%	10.4%
Lốp xe	10,466	8.3	1.4	18.5%	13.5%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,071	10.4	2.7	25.5%	11.1%
Thực phẩm	21,531	10.1	1.7	20.8%	7.5%
Dược phẩm	184,081	23.7	4.5	18.6%	14.4%
Phần mềm	15,244	12.1	2.8	22.4%	14.8%
Sản xuất & phân phối điện	16,551	9.9	2.1	21.7%	8.9%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	29,234	10.1	1.5	15.7%	7.3%
Bảo hiểm nhân thọ	128,192	10.5	3.4	32.2%	21.8%
Môi giới chứng khoán	23,817	18.9	2.0	10.4%	2.2%
Ngân hàng	26,749	11.4	1.4	11.0%	7.4%
Bất động sản	243,262	11.5	1.3	10.2%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	157,277	15.4	2.4	17.5%	4.5%
	30,191	6.8	1.4	21.9%	9.3%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	569.71	-22.07	-3.73%
HNX30	159.92	-1.79	-1.11%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Hàng chục nghìn tỷ đồng nguy cơ bốc hơi nếu giá dầu tiếp tục giảm

Niềm tin tiêu dùng Việt Nam giảm trong tháng 12

Trung Quốc âu lo kinh tế năm 2015

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

11 tháng, thép Hòa Phát đạt gần 100% kế hoạch bán hàng năm 2014

MWG lợi nhuận sau thuế 11 tháng vượt 136% kế hoạch năm

GAS: Lợi nhuận ổn định nếu giá dầu không thấp hơn 60 USD/thùng

► Tin kinh tế

Theo thông tin từ Người phát ngôn của Chính phủ Nguyễn Văn Nên, cứ một USD giá dầu giảm so với mốc 100 USD một thùng, ngân sách Nhà nước sẽ hụt thu khoảng 1.000 tỷ đồng. Giả sử giá dầu giữ ở mức 60 USD trong năm sau, ước tính ngân sách có thể thất thu tới 40.000 tỷ đồng. Trong điều kiện các khoản thu và chi khác không thay đổi so với dự toán, con số hụt thu hàng chục nghìn tỷ đồng kia sẽ tác động không nhỏ đến mục tiêu giảm bội chi từ mức 5,3% GDP xuống 5% GDP vào năm 2015.

Theo báo cáo của ANZ, chỉ số niềm tin tiêu dùng Việt Nam ANZ – Roy Morgan đã giảm xuống 135,6 điểm (giảm 5,3 điểm) trong tháng 12 và nhỉnh hơn mức trung bình trong năm 2014 là 133,3 điểm. Niềm tin vào nền kinh tế Việt Nam của người tiêu dùng có một sự sụt giảm đáng kể, có 50% (giảm đáng kể đến 13%) người tiêu dùng cho rằng tình hình kinh tế Việt Nam sẽ ở “trạng thái tốt” trong vòng 12 tháng tới và 15% (tăng 10%) người tiêu dùng dự đoán nền kinh tế Việt Nam sẽ ở “trạng thái xấu” (đây là mức cao nhất cho chỉ số này kể từ tháng 6/2014).

Ngân hàng Trung ương nước này (PBoC) cho biết: "Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc có thể giảm còn 7,1% trong năm 2015 từ mức 7,4% dự kiến đạt được trong năm nay do sự sa sút của thị trường bất động sản." Quý 3 vừa qua, tăng trưởng kinh tế Trung Quốc giảm tốc còn 7,3%. Các số liệu kinh tế âm ảm của nước này trong tháng 11 khiến giới phân tích cho rằng Trung Quốc sẽ không đạt mục tiêu tăng trưởng 7,5% cho năm 2014 mà Bắc Kinh đề ra. Nếu vậy, năm nay sẽ là năm tăng trưởng chậm nhất của nền kinh tế lớn thứ nhì thế giới trong 24 năm. Các chuyên gia kinh tế cố vấn cho Chính phủ Trung Quốc khuyến nghị nên giảm mục tiêu tăng trưởng về mức khoảng 7% trong năm 2015.

► Tin doanh nghiệp

Theo tin từ Tập đoàn Hòa Phát (HOSE: mã HPG), sau 11 tháng, thép xây dựng Hòa Phát đã đạt sản lượng bán hàng 895.000 tấn, tăng 41% so với cùng kỳ 2013 và tương đương 99% kế hoạch bán hàng cả năm 2014. Riêng tháng 11, thép Hòa Phát tiêu thụ 96.563 tấn, tăng 34,6% so với tháng 11/2013. Về hoạt động xuất khẩu thép, Hòa Phát vẫn đều đặn xuất thép cuộn sang thị trường Australia, Lào và xúc tiến thêm thị trường một số nước khác trong khối ASEAN. Trong tháng 11, Hòa Phát hoàn thành việc bảo dưỡng và nâng cấp lò cao số 1 của Khu liên hợp gang thép nhằm tăng sản lượng thép đồng thời giảm tiêu hao năng lượng và bảo vệ môi trường tốt hơn.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (HOSE: Mã MWG) vừa công bố kết quả kinh doanh sau 11 tháng năm 2014. Doanh thu tháng 11 đạt 1.620 tỷ đồng. Lũy kế 11 tháng, doanh thu đạt 14.063 tỷ, tăng 70% so với cùng kỳ năm trước và bằng 108% kế hoạch của cả năm. Trong đó, doanh thu online đạt 852 tỷ đồng, chiếm 6% tổng doanh thu. Lợi nhuận sau thuế tháng 11 đạt 66 tỷ đồng. Sau 11 tháng, lợi nhuận sau thuế đạt 609 tỷ đồng, vượt 136% kế hoạch lợi nhuận cả năm 2014. Năm 2015, công ty lên kế hoạch doanh thu 23.590 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế dự kiến 886 tỷ đồng, tăng lần lượt 50% và 32% so với năm 2014. Công ty dự kiến tập trung phát triển mảng online, mục tiêu doanh thu online năm 2015 đạt 2.000 tỷ đồng.

Ông Đỗ Khang Ninh, Tổng giám đốc Tổng công Khí Việt Nam (HOSE: Mã GAS) trao đổi: ""Nếu giá dầu giảm nhưng không thấp hơn 60 USD/thùng thì kết quả kinh doanh của PV Gas vẫn duy trì ở mức ổn định như các năm 2013, 2014, mức sụt giảm nếu có sẽ không đáng kể, bởi phần giá khí trên bao tiêu bán cho điện (đầu ra) và phần giá khí Hải Thạch - Mộc Tinh đầu vào đều tính theo công thức giá FO. Do đó, khi giá dầu FO giảm, thì cả giá khí đầu ra và đầu vào đều giảm theo. Đối với mảng kinh doanh hóa lỏng, giá dầu giảm sẽ kéo theo giá LPG giảm nhưng sẽ không ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của PV Gas.

HOSE 17/12/2014 VNINDEX 518.22 -16.92 -3.16% 171,356,990 CP 3,023.95 bil VND

Lực bán dứt khoát và trên diện rộng

VN-Index giảm 16.92 điểm (-3.16%), đóng cửa tại mức 518.22 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến dài, VN-Index giảm điểm và về gần vùng đáy xác lập hồi tháng 5/2014.

- MACD vẫn đang đi xuống, điều này cho thấy xu hướng giảm điểm của VN-Index vẫn tiếp diễn.
- Stochastic Oscillator sụt giảm mạnh và nằm sâu ở vùng quá bán.
- RSI (14) nằm sâu ở vùng quá bán ở mức 19.
- Hầu hết các chỉ báo kỹ thuật đều đã cho tín hiệu quá bán.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.5 (-4.8%)	17,427,000
ITA	-0.4 (-4.9%)	9,532,650
SSI	-1.3 (-4.5%)	9,076,910
OGC	-0.1 (-1.3%)	7,614,510
VHG	-0.8 (-6.5%)	7,142,000

HOSE Top 5 theo % tăng

BHS	0.7 (6.9%)	86,260
SFG	1.2 (6.9%)	111,000
TMS	3.5 (6.8%)	220
STG	1.7 (6.7%)	10
PNC	0.7 (6.6%)	270

HOSE Top 5 theo % giảm

HDC	-8.8 (-37.0%)	2,440
VIP	-3.5 (-19.9%)	856,160
TMT	-1.4 (-8.0%)	212,640
HAI	-1.2 (-7.0%)	252,150
MTG	-0.3 (-7.0%)	15,440

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

GAS	13,2 tỷ	213,110
KDC	9,6 tỷ	204,750
SSI	5,4 tỷ	197,400
VHC	4,4 tỷ	119,000
HSG	4,4 tỷ	97,920

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VIC	-37,5 tỷ	764,390
MWG	-32,1 tỷ	297,750
HPG	-27,2 tỷ	566,340
PVD	-14,1 tỷ	246,510
STB	-12,0 tỷ	694,680

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-2,414,680	- 91.83

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Đà bán tháo xuất hiện ở nhiều mã, không chỉ nhóm cổ phiếu ngành dầu khí, mà lan rộng lên ở hầu hết các mã. VN-Index mất hơn 3% điểm số.
- ▶ KLGD gia tăng khá mạnh và đạt 164 triệu cổ phiếu. Bên cạnh áp lực giải chấp ở nhiều mã bắt đầu diễn ra thì lực cầu bắt đáy cũng bắt đầu tham gia khá mạnh.
- ▶ Khối ngoại cũng rất tích cực giao dịch với giá trị bán ròng 91,83 tỷ. Khối này mua vào 343,4 tỷ đồng trong khi bán ra 435,27 tỷ đồng.
- ▶ Lực cầu bắt đáy xuất hiện khá nhiều, tuy nhiên áp lực giải chấp xuất hiện trên diện rộng khiến rủi ro VN-Index giảm về vùng 500 điểm khá cao.
- ▶ NĐT giữ trạng thái cổ phiếu và tiền mặt ở mức 50 - 50, việc mua mới nên hướng tới mục tiêu trung và dài hạn, tập trung nhóm cổ phiếu cơ bản tốt.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	62.0	117,490.00	10.6	3.5	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	92.5	92,510.97	16.8	5.4	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	30.3	80,750.12	17.7	1.9	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	45.0	65,454.98	17.6	3.7	21.1%	4.6%
MSN	735.8	79.0	58,128.84	- 468.5	4.2	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	13.8	51,382.98	9.6	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	12.7	35,702.27	8.2	1.1	13.6%	0.8%
BVH	680.5	34.1	23,204.08	19.0	2.0	10.4%	2.2%
HPG	481.9	47.8	23,035.21	7.6	2.1	30.2%	14.7%
STB	1,142.5	16.7	19,079.94	8.3	1.1	14.3%	1.4%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	73.5	9.8	720.30	12.6	0.9	NA	TH.DOI
HBC	53.4	15.7	838.32	23.7	0.9	NA	TH.DOI
CII	115.5	19.0	2,195.01	7.1	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	73.0	3,319.93	9.3	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	10.3	625.73	5.4	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	20.0	552.20	1.8	0.9	NA	TH.DOI

HNX 17/12/2014 HNX-Index 80.61 -2.02 -2.45% 72,395,441 CP 892.25 bil. VND

Lực bán dứt khoát và trên diện rộng

Chỉ số HNX-Index giảm 2.02 điểm (-2.45%), đóng cửa tại mốc 80.61 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ thân ngắn, HNX-Index giảm điểm mạnh tuy nhiên có chút hồi phục lúc đóng cửa.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục lùi sâu và đi vào vùng quá bán.
- MACD vẫn cho dấu hiệu rất xấu.
- MA20 bắt đầu cắt xuống MA100, điều này cho thấy rủi ro giảm điểm của HNX-Index vẫn còn rất lớn.
- Hầu hết các chỉ báo kỹ thuật đều đang quá bán, tuy nhiên rủi ro giảm điểm vẫn còn khá lớn.



HNX Top 5 theo KLGD

Mã CK	Đổi (%)	KLGD
KLF	-0.6 (-4.8%)	8,866,330
SCR	-0.6 (-6.1%)	7,755,080
PVX	-0.4 (-7.4%)	6,775,570
SHB	-0.4 (-4.7%)	3,988,490
PVS	0.1 (0.4%)	3,562,730

HNX Top 5 theo % tăng

Mã CK	% Tăng	Giá
CTB	4.5 (14.8%)	-
HAT	5.4 (9.8%)	500
BBS	1.5 (9.7%)	1,000
VLA	1.2 (9.6%)	200
SMT	2.6 (9.5%)	200

HNX Top 5 theo % giảm

Mã CK	% Giảm	Giá
SSG	-0.2 (-10.0%)	20,000
TET	-2.1 (-10.0%)	9,000
ITQ	-3.1 (-9.9%)	537,710
IDV	-5.6 (-9.8%)	19,400
HGM	-5.1 (-9.8%)	100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

Mã CK	Giá	Đơn vị	Giá trị
VND	4,7	tỷ	385,900
BCC	1,9	tỷ	130,000
KTS	0,5	tỷ	30,000
D11	0,4	tỷ	28,500
BVS	0,3	tỷ	22,200

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

Mã CK	Giá	Đơn vị	Giá trị
SHB	-2,6	tỷ	319,000
PVS	-2,0	tỷ	83,100
PGS	-1,2	tỷ	47,100
LAS	-0,9	tỷ	27,000
HMH	-0,9	tỷ	31,300

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	9,838	0.04

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Đà bán tháo xuất hiện ở nhiều mã, không chỉ nhóm cổ phiếu ngành dầu khí, mà lan rộng lên ở hầu hết các mã. HNX-Index mất hơn 2,45% điểm số.
- ▶ KLGD gia tăng khá mạnh và đạt 72 triệu cổ phiếu. Bên cạnh áp lực giải chấp ở nhiều mã bắt đầu diễn ra thì lực cầu bắt đáy cũng bắt đầu tham gia khá mạnh.
- ▶ Khối ngoại mua bán khá cân bằng. Khối này mua vào 15,17 tỷ đồng trong khi bán ra 15,17 tỷ đồng.
- ▶ Lực cầu bắt đáy xuất hiện khá nhiều, tuy nhiên áp lực giải chấp xuất hiện trên diện rộng khiến rủi ro HNX-Index tiếp tục giảm điểm vẫn khá cao.
- ▶ NĐT giữ trạng thái cổ phiếu và tiền mặt ở mức 50 - 50, việc mua mới nên hướng tới mục tiêu trung và dài hạn, tập trung nhóm cổ phiếu cơ bản tốt.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	ROA (%)
ACB	909.8	15.3	13,919.64	25.9	1.1	4.4%	0.3%
PVS	446.7	23.8	10,631.47	6.4	1.2	19.6%	6.6%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.1	7,177.28	9.3	0.7	7.7%	0.6%
VCG	441.7	12.5	5,521.38	9.0	1.1	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	17.5	3,940.27	12.7	0.7	5.1%	1.8%
NTP	56.3	50.0	2,816.96	7.1	2.1	23.4%	14.9%
VNR	131.1	20.5	2,687.06	8.6	1.1	12.8%	5.4%
LAS	77.8	32.5	2,529.54	7.2	2.0	25.6%	14.6%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	25.7	976.60	6.5	1.1	NA	TH.DOI
AAA	39.6	15.6	617.76	6.1	1.1	NA	TH.DOI
VND	155.0	12.2	1,890.98	10.6	1.1	NA	TH.DOI
NTP	56.3	50.0	2,816.96	7.1	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	23.0	1,150.00	5.8	1.3	NA	TH.DOI
DXP	7.9	40.1	315.79	7.6	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	58,128.84	15.22%	79.0	- 468.54	4.16	188,778	154,515	170,551
VIC	HOSE	1,454.6	65,454.98	12.53%	45.0	17.58	3.71	953,300	941,061	1,594,941
PVD	HOSE	303.0	16,667.03	11.71%	55.0	7.27	1.57	1,179,445	1,072,691	687,878
HPG	HOSE	481.9	23,035.21	11.57%	47.8	7.59	2.09	440,610	474,253	530,061
HAG	HOSE	789.9	16,666.87	7.45%	21.1	9.36	1.21	3,239,988	2,995,001	3,710,003
KDC	HOSE	255.2	12,094.64	7.00%	47.4	19.95	1.83	1,117,478	1,118,186	907,077
STB	HOSE	1,142.5	19,079.94	5.69%	16.7	8.26	1.14	204,985	221,950	311,420
VCB	HOSE	2,665.0	80,750.12	5.16%	30.3	17.74	1.89	762,370	551,117	429,293
DPM	HOSE	379.9	11,398.03	4.04%	30.0	10.00	1.30	908,749	846,052	606,269
KBC	HOSE	389.8	5,963.33	2.83%	15.3	14.61	1.18	2,722,495	3,011,415	4,755,270
ITA	HOSE	718.9	5,607.47	2.64%	7.8	48.28	0.75	6,005,266	5,902,133	6,252,833
HSG	HOSE	96.3	4,314.83	1.95%	44.8	11.22	1.94	169,263	136,408	309,685
BVH	HOSE	680.5	23,204.08	1.83%	34.1	18.95	1.99	125,260	174,804	212,091
HVG	HOSE	132.0	3,524.39	1.55%	26.7	12.95	1.57	870,996	923,593	1,514,346
FLC	HOSE	314.9	3,148.94	1.53%	10.0	6.16	0.87	10,860,380	18,313,120	14,566,088
PPC	HOSE	318.2	8,049.31	1.47%	25.3	11.32	1.53	638,442	398,963	353,423
DRC	HOSE	83.1	4,485.99	1.41%	54.0	12.98	3.13	101,351	89,939	100,244
PVT	HOSE	255.9	3,761.11	1.37%	14.7	13.60	1.32	2,789,898	2,511,827	2,185,789
CSM	HOSE	67.3	2,691.68	1.32%	40.0	8.06	2.21	44,264	63,261	131,426
VSH	HOSE	206.2	2,804.88	1.16%	13.6	19.44	1.05	291,646	331,788	433,229
OGC	HOSE	300.0	2,340.00	0.56%	7.8	13.75	0.73	4,891,278	5,380,307	5,779,299

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	58,128.84	8.53%	79.0	- 468.54	4.16	188,778	154,515	170,551
VIC	HOSE	1,454.6	65,454.98	7.57%	45.0	17.58	3.71	953,300	941,061	1,594,941
VCB	HOSE	2,665.0	80,750.12	7.13%	30.3	17.74	1.89	762,370	551,117	429,293
STB	HOSE	1,142.5	19,079.94	6.62%	16.7	8.26	1.14	204,985	221,950	311,420
PVS	HNX	446.7	10,631.47	5.75%	23.8	6.38	1.22	3,739,180	3,090,582	2,797,028
BVH	HOSE	680.5	23,204.08	4.51%	34.1	18.95	1.99	125,260	174,804	212,091
DPM	HOSE	379.9	11,398.03	4.25%	30.0	10.00	1.30	908,749	846,052	606,269
HAG	HOSE	789.9	16,666.87	4.04%	21.1	9.36	1.21	3,239,988	2,995,001	3,710,003
PVD	HOSE	303.0	16,667.03	3.90%	55.0	7.27	1.57	1,179,445	1,072,691	687,878
PPC	HOSE	318.2	8,049.31	3.14%	25.3	11.32	1.53	638,442	398,963	353,423
ITA	HOSE	718.9	5,607.47	3.29%	7.8	48.28	0.75	6,005,266	5,902,133	6,252,833
FLC	HOSE	314.9	3,148.94	2.85%	10.0	6.16	0.87	10,860,380	18,313,120	14,566,088
SHB	HNX	886.1	7,177.28	2.54%	8.1	9.31	0.73	4,620,988	3,487,326	3,844,019
VCG	HNX	441.7	5,521.38	2.12%	12.5	8.96	1.05	1,618,224	1,640,882	1,510,821
PVT	HOSE	255.9	3,761.11	1.78%	14.7	13.60	1.32	2,789,898	2,511,827	2,185,789
OGC	HOSE	300.0	2,340.00	143.00%	7.8	13.75	0.73	4,891,278	5,380,307	5,779,299
DRC	HOSE	83.1	4,485.99	1.00%	54.0	12.98	3.13	101,351	89,939	100,244
IJC	HOSE	274.2	3,701.63	0.65%	13.5	22.66	1.33	928,770	638,703	677,887
PVX	HNX	400.0	2,000.00	0.00%	5.0	- 2.36	2.34	4,308,791	4,757,672	6,745,389

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	65,454.98	0.00%	45.0	17.58	3.71	953,300	941,061	1,594,941
MSN	HOSE	735.8	58,128.84	0.00%	79.0	-468.54	4.16	188,778	154,515	170,551
DPM	HOSE	379.9	11,398.03	0.00%	30.0	10.00	1.30	908,749	846,052	606,269
HAG	HOSE	789.9	16,666.87	0.00%	21.1	9.36	1.21	3,239,988	2,995,001	3,710,003
VCB	HOSE	2,665.0	80,750.12	0.00%	30.3	17.74	1.89	762,370	551,117	429,293
STB	HOSE	1,142.5	19,079.94	0.00%	16.7	8.26	1.14	204,985	221,950	311,420
BVH	HOSE	680.5	23,204.08	0.00%	34.1	18.95	1.99	125,260	174,804	212,091
CTG	HOSE	3,723.4	51,382.98	0.00%	13.8	9.60	0.95	294,844	220,153	270,954
GAS	HOSE	1,895.0	117,490.00	0.00%	62.0	10.60	3.46	801,892	695,497	514,479

Công ty quản lý	Royal Bank of Scotland	Ngày lập quỹ	19/09/2011	SLCKVN	9/142
Chỉ số tham chiếu	MSCI Frontier Markets Index	Ngày lập chỉ số	30/11/2007	TGTTSQL	22.25 mil.

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	58,128.84	4.01%	79.0	-468.54	4.16	188,778	154,515	170,551
VIC	HOSE	1,454.6	65,454.98	2.27%	45.0	17.58	3.71	953,300	941,061	1,594,941
PVD	HOSE	303.0	16,667.03	4.39%	55.0	7.27	1.57	1,179,445	1,072,691	687,878
STB	HOSE	1,142.5	19,079.94	0.89%	16.7	8.26	1.14	204,985	221,950	311,420
VCB	HOSE	2,665.0	80,750.12	1.28%	30.3	17.74	1.89	762,370	551,117	429,293
BVH	HOSE	680.5	23,204.08	1.79%	34.1	18.95	1.99	125,260	174,804	212,091

Công ty quản lý	iShares	Ngày lập quỹ	12/09/2012	SLCKVN	6/102
Chỉ số tham chiếu	MSCI Frontier 100 Index	Ngày lập chỉ số	30/11/2007	TGTTSQL	519.45 mil.

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý	iShares	Ngày lập quỹ		SLCKVN	
Chỉ số tham chiếu	MSCI VN Investable Market Indx	Ngày lập chỉ số	01/12/2010	TGTTSQL	4,752.96 mil.

17 December 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,078	6.8	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,979	9.5	1.5	16.9%	10.6%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,747	14.5	0.9	5.6%	2.3%
Sản xuất giấy	883	6.4	1.0	14.3%	7.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	35,778	12.2	1.8	21.8%	10.5%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,957	3.6	1.0	22.0%	5.2%
Khai khoáng	12,534	89.8	6.2	-4.0%	-3.3%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,432	14.0	1.5	13.9%	7.6%
Xây dựng	32,023	30.9	1.2	0.5%	2.2%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,176	9.4	1.1	15.7%	7.8%
Công nghiệp phức hợp	1,012	6.7	1.1	16.9%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	2,566	7.9	1.4	18.3%	6.5%
Thiết bị điện	2,080	- 32.1	1.3	3.2%	0.8%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	71	23.3	1.0	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,480	8.6	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,341	- 3.2	1.1	4.9%	1.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,466	8.3	1.4	18.5%	13.5%
Dịch vụ vận tải	6,882	7.5	1.6	23.2%	13.2%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,478	17.6	1.8	8.7%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	267	13.8	0.8	6.6%	2.4%
Nhà cung cấp thiết bị	192	8.8	0.9	12.6%	5.0%
Chất thải & Môi trường	214	3.2	1.0	33.8%	15.6%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,357	14.1	1.4	14.8%	7.3%
Lốp xe	8,071	10.4	2.7	25.5%	11.1%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,797	8.0	1.4	17.8%	9.4%
Vang & Rượu mạnh	314	15.8	2.1	14.7%	9.8%
Đồ uống & giải khát	232	6.5	1.2	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	21,531	10.1	1.7	20.8%	7.5%
Thực phẩm	184,081	23.7	4.5	18.6%	14.4%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	67	18.9	0.8	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	3,000	8.2	1.4	19.1%	9.1%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	529	63.8	1.4	2.6%	1.9%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,789	8.6	1.7	19.2%	7.5%
Giày dép	12	- 1.7	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,268	10.5	2.0	18.4%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	681	- 9.8	1.0	2.0%	4.8%

17 December 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,924	9.4	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	166	3.4	1.8	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	233	9.9	1.4	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,244	12.1	2.8	22.4%	14.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	263	41.8	0.9	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	754	10.5	1.3	13.7%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,747	9.5	1.7	19.0%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,144	9.4	1.0	10.4%	6.8%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,670	55.6	2.5	3.9%	2.3%
Dịch vụ giải trí	3,812	20.9	1.4	10.2%	8.4%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,646	17.8	3.4	23.4%	20.0%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	752	11.2	0.9	8.9%	3.3%
Internet	377	79.5	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,551	9.9	2.1	21.7%	8.9%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	474	16.2	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	301	5.7	1.1	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	13,179	35.1	6.8	33.7%	11.4%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	29,234	10.1	1.5	15.7%	7.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	128,192	10.5	3.4	32.2%	21.8%
Nước	1,267	6.8	1.1	17.0%	11.7%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,499	8.9	1.0	11.2%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,810	11.6	0.7	6.7%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,753	8.6	1.1	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	23,817	18.9	2.0	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,745	9.6	1.3	14.8%	9.6%
Môi giới chứng khoán	26,749	11.4	1.4	11.0%	7.4%
Ngân hàng					
Ngân hàng	243,262	11.5	1.3	10.2%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	157,277	15.4	2.4	17.5%	4.5%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	9	2.3	0.7	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	30,191	6.8	1.4	21.9%	9.3%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.